PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 80/2016/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 21 tháng 12 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành giá dịch vụ sử dụng cảng cá tại Cảng cá Quy Nhơn và Cảng cá Đề Gi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, kỳ họp thứ 3 Quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4616/TTr-STC ngày 19/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành quy định về giá dịch vụ sử dụng cảng cá tại Cảng cá Quy Nhơn và Cảng cá Đề Gi, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a. Đối tượng nộp: các tổ chức, cá nhân có hàng hóa, tàu thuyền, phương tiện sử dụng tại Cảng cá Quy Nhơn và Cảng cá Đề Gi; không áp dụng đối với các đối tượng như sau:

- Các tổ chức, cá nhân có tàu thuyền neo đậu để tránh bão.

- Các đơn vị làm nhiệm vụ công vụ như: Biên phòng, Quân đội, Công an, Cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản, cứu hộ, cứu nạn, cấp cứu.

b. Đơn vị thực hiện thu: Ban quản lý Cảng cá Quy Nhơn.

2. Giá dịch vụ sử dụng cảng cá

a. Đơn giá dịch vụ sử dụng cảng cá tại Cảng cá Quy Nhơn, thành phố Quy Nhơn cụ thể như Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

b. Đơn giá dịch vụ sử dụng cảng cá tại Cảng cá Đề Gi, huyện Phù Cát cụ thể như Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

c. Một số quy định cụ thể:

- Trường hợp cần quy định đơn vị tính khác thì tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của từng loại hàng hóa, phương tiện mà quy đổi cho phù hợp.

- Trường hợp tàu thuyền các loại neo đậu quá 12 giờ theo quy định nêu trên thì cứ 01 giờ tăng thêm mức thu bổ sung được quy định: mức thu tương ứng/giờ cộng (+) 10% mức thu tương ứng/giờ.

3. Phương thức thu giá dịch vụ sử dụng cảng cá

a. Khi thực hiện thu giá dịch vụ sử dụng cảng cá, đơn vị thu phải lập và cấp hóa đơn giá dịch vụ cho các đối tượng nộp đúng theo quy định hiện hành. Đơn vị thu có trách nhiệm liên hệ với cơ quan thuế để được hướng dẫn cụ thể về hóa đơn giá dịch vụ theo quy định.

b. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ giá dịch vụ sử dụng cảng cá của đơn vị thu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giá dịch vụ sử dụng cảng cá quy định tại Quyết định này để làm cơ sở cho đơn vị thu thực hiện thu kể từ ngày 01/01/2017 theo quy định; trong thời gian áp dụng giá dịch vụ sử dụng cảng cá nêu trên, đơn vị thu có trách nhiệm xây dựng phương án giá dịch vụ sử dụng cảng cá theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành liên quan, gửi Sở Tài chính thẩm định, xây dựng khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trình UBND tỉnh quyết định ban hành theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn đơn vị có chức năng thu triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017 và bãi bỏ, thay thế các Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy định về phí sử dụng Cảng cá Quy Nhơn, Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của UBND tỉnh về việc quy định về phí sử dụng Cảng cá Đề Gi, huyện Phù Cát.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC 1
BẢNG GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG CẢNG CÁ TẠI CẢNG CÁ QUY NHƠN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá (đã bao gồm thuế GTGT)
I	**Tàu, thuyền các loại**	Đồng/lần vào-ra cảng (không quá 12 giờ)	
1	**Tàu, thuyền đánh cá**		
-	Có công suất dưới 20 CV	như trên (nt)	5,000
-	Có công suất từ 20 CV đến 50 CV	nt	10,000
-	Có công suất trên 50 CV đến 90 CV	nt	20,000
-	Có công suất trên 90 CV đến 200 CV	nt	30,000
-	Có công suất trên 200 CV	nt	70,000
2	**Tàu, thuyền vận tải**		
-	Có trọng tải dưới 5 tấn	nt	10,000
-	Có trọng tải từ 5 đến 10 tấn	nt	20,000
-	Có trọng tải trên 10 đến 100 tấn	nt	70,000
-	Có trọng tải trên 100 tấn	nt	120,000
II	**Phương tiện vận tải**	đồng/lần vào-ra cảng	
1	Xe máy, xích lô, ba gác chở hàng	nt	2,000
2	Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn	nt	5,000
3	Phương tiện có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn	nt	10,000
4	Phương tiện có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn	nt	15,000
5	Phương tiện có trọng tải trên 5 đến 10 tấn	nt	20,000
6	Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn	nt	35,000
III	**Hàng hóa qua cảng**		
1	Hàng thủy sản, động vật tươi sống	đồng/tấn	10,000
2	Hàng hóa là Container	đồng/container	60,000
3	Các loại hàng hóa khác	đồng/tấn	8,000

PHỤ LỤC 2
BẢNG GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG CẢNG CÁ TẠI CẢNG CÁ ĐỀ GI, HUYỆN PHÙ CÁT
(*Ban hành kèm theo Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá (đã bao gồm thuế GTGT)
I	**Tàu, thuyền các loại**	Đồng/lần vào-ra cảng (không quá 12 giờ)	
1	**Tàu, thuyền đánh cá**		
-	Có công suất dưới 20 CV	như trên (nt)	5.000
-	Có công suất từ 20 CV đến 50 CV	nt	10.000
-	Có công suất trên 50 CV đến 90 CV	nt	15.000
-	Có công suất trên 90 CV đến 200 CV	nt	25.000
-	Có công suất trên 200 CV	nt	40.000
2	**Tàu, thuyền vận tải**		
-	Có trọng tải dưới 5 tấn	nt	10.000
-	Có trọng tải từ 5 đến 10 tấn	nt	20.000
-	Có trọng tải trên 10 đến 100 tấn	nt	50.000
-	Có trọng tải trên 100 tấn	nt	70.000
II	**Phương tiện vận tải**	đồng/lần vào - ra cảng	
1	Xe máy, xích lô, ba gác chở hàng	nt	2.000
2	Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn	nt	5.000
3	Phương tiện có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn	nt	10.000
4	Phương tiện có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn	nt	15.000
5	Phương tiện có trọng tải trên 5 đến 10 tấn	nt	20.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá (đã bao gồm thuế GTGT)
6	Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn	nt	25.000
III	**Hàng hóa qua cảng**		
1	Hàng thủy sản, động vật tươi sống	đồng/tấn	9.000
2	Hàng hóa là Container	đồng/container	40.000
3	Các loại hàng hóa khác	đồng/tấn	5.000